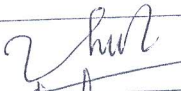

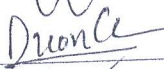

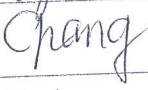
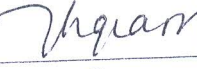



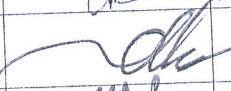



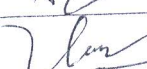
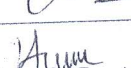
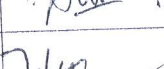

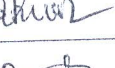


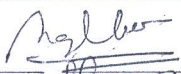
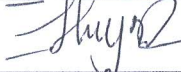

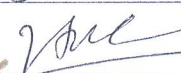
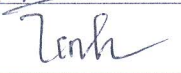
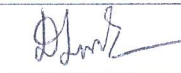
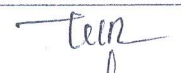
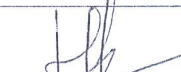
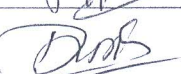

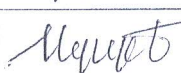

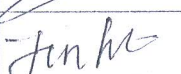




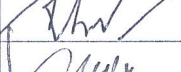



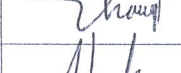





BẢNG GHI ĐIỂM
MÔN: BÀI THU HOẠCH
LỚP: TRUNG CẤP LLCT - HC KT 38

SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐIỂM		GHI CHÚ
			Bảng số	Bảng chữ	
1	Lê Thị Thùy An				
2	Lê Thị Chính		8,5	Tám lược	
3	Bùi Hải Đăng		8,5	Tám lược	
4	Trần Thái Dương		8,5	Tám lược	
5	Phan Thị Hà Giang		8,0	Tám	
6	Võ Thị Hoài Giang		8,0	Tám	
7	Vũ Thị Kiều Giang		8,0	Tám	
8	Nguyễn Ngọc Hà		8,5	Tám lược	
9	Nguyễn Thị Ngọc Hà		8,5	Tám lược	
10	Trần Thị Hà		8,0	Tám	
11	Võ Văn Hà		8,0	Tám	
12	Trần Bình Hải		8,0	Tám	
13	Trần Thanh Hải		8,0	Tám	
14	Lê Thị Hằng		8,5	Tám lược	
15	Hoàng Thị Thu Hiền		8,0	Tám	
16	Lê Văn Hiền		8,5	Tám lược	
17	Lê Quận Hoàng		8,5	Tám lược	
18	Nguyễn Nhật Huân		8,0	Tám	
19	Nguyễn Mạnh Hùng		8,0	Tám	
20	Nguyễn Văn Hùng		8,5	Tám lược	
21	Nguyễn Thị Lan Hương		8,0	Tám	



SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐIỂM		GHI CHÚ
			Bảng số	Bảng chữ	
22	Ngô Đức Huy		8,0	Tam	
23	Nguyễn Thị Huyền		8,5	Tam lược	
24	Hồ Văn Lâm		8,5	Tam lược	
25	Trần Thị Minh Lệ		8,5	Tam lược	
26	Trần Mỹ Linh		8,0	Tam	
27	Trần Thị Diệu Linh		8,0	Tam	
28	Đào Thị Thanh Loan		8,0	Tam	
29	Ngô Thị Hiền Lương		8,0	Tam	
30	Phạm Thị Đức Minh		8,0	Tam	
31	Trần Thị Thu Ngân		8,5	Tam lược	
32	Trần Thị Minh Nguyệt		8,5	Tam lược	
33	Lê Chí Nhi		8,0	Tam	
34	Hồ Thị Cẩm Nhung		8,5	Tam lược	
35	Phan Thị Quỳnh Nhung		8,5	Tam lược	
36	Nguyễn Thị Hoàng Oanh		8,5	Tam lược	
37	Nguyễn Thị Ngọc Oanh		9,0	Chín	
38	Nguyễn Bá Phú		8,5	Tam lược	
39	Hồ Sỹ Sáng		8,0	Tam	
40	Nguyễn Văn Sanh		8,0	Tam	
41	Hoàng Thị Kim Thái		9,0	Chín	
42	Nguyễn Đức Thắng		8,0	Tam	
43	Lê Thị Thanh		8,5	Tam lược	
44	Hoàng Lương Thành		8,5	Tam lược	
45	Trần Đức Thành		8,0	Tam	
46	Ngô Thị Bích Thảo		8,0	Tam	

SỐ BD	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ	ĐIỂM		GHI CHÚ
			Bảng số	Bảng chữ	
47	Trần Văn Thi		8,5	Tám điểm	
48	Mai Thị Lệ Thu		8,0	Tám	
49	Nguyễn Thị Thanh Thủy		8,0	Tám	
50	Lê Thị Thúy		8,5	Tám điểm	
51	Mai Xuân Tiến		8,0	Tám	
52	Nguyễn Việt Tiên		8,5	Tám điểm	
53	Nguyễn Thị Tính		8,0	Tám	
54	Nguyễn Hữu Toán		8,0	Tám	
55	Ngô Thị Thu Trang		8,5	Tám điểm	
56	Trần Công Trường		8,5	Tám điểm	
57	Đào Ngọc Tuấn		8,0	Tám	
58	Hồ Ngọc Tuấn		8,0	Tám	
59	Trần Quốc Tuấn		8,5	Tám điểm	
60	Nguyễn Sơn Tùng		8,5	Tám điểm	
61	Phạm Quang Tuyên		8,0	Tám	
62	Nguyễn Thanh Tuyên		8,0	Tám	
63	Nguyễn Thị Ngọc Uyên		8,5	Tám điểm	
64	Bùi Thị Bích Vân		8,5	Tám điểm	
65	Nguyễn Đặng Vĩnh		8,5	Tám điểm	
66	Nguyễn Việt Xuân		8,5	Tám điểm	
67	Trần Thị Mai Yên		8,5	Tám điểm	



68	Phạm Thị Hoàng Yến	<i>2/12</i>	8,0	Tám	
69	Trần Thị Yên	<i>1/10</i>	8,5	Tám	<i>leoi</i>

Tổng số học viên: 69

Số học viên đủ điều kiện thi:

Tổng số bài thi: 68

Loại xuất sắc: (Từ 9.0 đến 10.0 điểm).....*0,2*.....bài, chiếm.....*2,9*.....%

Loại giỏi: (Từ 8.0 đến 8.5 điểm).....*66*.....bài, chiếm.....*97,1*.....%

Loại khá: (Từ 7.0 đến 7.5 điểm).....*0*..... bài, chiếm.....*0*.....%

Loại TB: (Từ 5.0 đến 6.5 điểm).....*0*..... bài, chiếm.....*0*.....%

Loại yếu: (dưới 5.0 điểm).....*0*.....bài, chiếm.....*0*.....%

THƯ KÝ HĐ



Nguyễn Thị Mỹ Vân



Ngô Thị Thu Hà